Chi tiết mã HS 0305.72.11

Mã HS	0305.72.11
Mô tả hàng hóa	Cá, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; cá hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Vây cá, đầu, đuôi, bong bóng và phụ phẩm khác ăn được sau giết mổ của cá: / - - Đầu cá, đuôi và bong bóng: / - - - Bong bóng cá: / - - - - Của cá tuyết (SEN)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 01:25:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03057211/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K545
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N545
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q545
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ545
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E541
ATIGA	2022	2022	0	AT!E542
ATIGA	2023	2023	0	AT!F542
ATIGA	2024	2024	0	AT!G542
ATIGA	2025	2025	0	AT!H542
ATIGA	2026	2026	0	AT!I542
ATIGA	2027	2027	0	AT!J542
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E544
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F544
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G544

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H544
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I544
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J544
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E544
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F544
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G544
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H544
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I544
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J544
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F542
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H541
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F544
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G544
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H544
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I544
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J544
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K544
VKFTA	2022	2022	0	VK!E542
VKFTA	2023	2023	0	VK!F542
VKFTA	2024	2024	0	VK!G542
VKFTA	2025	2025	0	VK!H542
VKFTA	2026	2026	0	VK!I542
VKFTA	2027	2027	0	VK!J542
VCFTA	2022	2022	0	VC!D543
VCFTA	2023	2023	0	VC!E543
VCFTA	2024	2024	0	VC!F543

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G543
VCFTA	2026	2026	0	VC!H543
VCFTA	2027	2027	0	VC!I543
VN-EAEU	2022	2022	4,1	EAV!D546
VN-EAEU	2023	2023	2,7	EAV!E546
VN-EAEU	2024	2024	1,4	EAV!F546
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G546
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H546
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I546
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D60
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E60
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D543
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E543
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F543
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G543
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H543
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I543
EVFTA	2022	2022	3,7	EV-NK!D543
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E543
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F543
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G543
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H543
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I543
UKVFTA	2022	2022	3,7	UKV!D545
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E545
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F545

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G545
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H545
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I545
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D543
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E543
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F543
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G543
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H543
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I543
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J543
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D542
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E542
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F542
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G542
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H542
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I542
RCEP B	2022	2022	0	B!D542
RCEP B	2023	2023	0	B!E542
RCEP B	2024	2024	0	B!F542
RCEP B	2025	2025	0	B!G542
RCEP B	2026	2026	0	B!H542
RCEP B	2027	2027	0	B!I542
RCEP C	2022	2022	0	C!D542
RCEP C	2023	2023	0	C!E542
RCEP C	2024	2024	0	C!F542
RCEP C	2025	2025	0	C!G542

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2026	2026	0	C!H542
RCEP C	2027	2027	0	C!I542
RCEP D	2022	2022	0	D!D542
RCEP D	2023	2023	0	D!E542
RCEP D	2024	2024	0	D!F542
RCEP D	2025	2025	0	D!G542
RCEP D	2026	2026	0	D!H542
RCEP D	2027	2027	0	D!I542
RCEP E	2022	2022	0	E!D542
RCEP E	2023	2023	0	E!E542
RCEP E	2024	2024	0	E!F542
RCEP E	2025	2025	0	E!G542
RCEP E	2026	2026	0	E!H542
RCEP E	2027	2027	0	E!I542
RCEP F	2022	2022	0	F!D542
RCEP F	2023	2023	0	F!E542
RCEP F	2024	2024	0	F!F542
RCEP F	2025	2025	0	F!G542
RCEP F	2026	2026	0	F!H542
RCEP F	2027	2027	0	F!I542
VIFTA	2024	2024	*	VI!F522
VIFTA	2025	2025	*	VI!G522
VIFTA	2026	2026	*	VI!H522
VIFTA	2027	2027	*	VI!I522

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0305.72 có 4 dòng thuế; dòng 0305.72.11 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của cá tuyết (SEN).	0305.72.19 Loại khác (SEN); 0305.72.91 Của cá tuyết; 0305.72.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0305.72.11. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 0305.72.11 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N545), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.